

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

Số: 19/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	77M ₁ 01/17	Công ty TNHH FoodTech	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	29/05/2017 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
2	78M ₁ 01/17	131 Nguyễn Thái Học		Nguyễn Thị Cẩm Tú	29/05/2017 8g30-8g45	Phạm Thị Luyện
3	78M ₂ 01/17	8/19 Nguyễn Huệ			29/05/2017 9g00-9g15	
4	78M ₃ 01/17	Khu tái định cư Núi Nhạn			29/05/2017 9g30-9g45	Nguyễn Thị Cẩm Tú
5	79B01/17	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Phạm Thị Luyện	29/05/2017 8g00-8g15	

II./ KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				77M ₁ 01/17	78M ₁ 01/17	78M ₂ 01/17	78M ₃ 01/17
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6,99	7,03	7,07	7,08
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,43	0,37	0,34	0,31
3	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	KPH (LOD=0.019)	KPH (LOD=0.019)	KPH (LOD=0.019)	KPH (LOD=0.019)
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13,47	13,81	13,13	13,13
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	42,91	43,42	42,39	42,39
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)	KPH (LOD=0,0026)
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	2,20	KPH (LOD=1,437)	6,10	KPH (LOD=1,437)
8	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	65	60	63	62
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0,670	0,750	0,735	0,740
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	7,0	7,5	6,4	6,4
11	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	KPH (LOD=0,0095)	0,01	KPH (LOD=0,0095)	KPH (LOD=0,0095)
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0,19	0,32	0,26	0,32
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)	KPH (LOD=0,0045)
14	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)
BM.KT.02.02			29/3/2017			Trang 1/2	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				53B01/17			
1	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	7,07			
2	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	0,33			
3	Sắt tổng(mg/l)	0,3	TCVN6177:1996	KPH (LOD=0,019)			
4	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	13,13			
5	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	42,39			
6	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0,0026)			
7	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	5,90			
8	Tổng chất rắn hòa tan(TDS) (mg/l)	1000	SMEWW-2540C	66			
9	Nitrat(mg/l)	50	TCVN6180:1996	0,545			
10	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6,8			
11	Mangan(mg/l)	0,3	TCVN6002:1995	0,01			
12	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6186:1996	0,26			
13	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0,0045)			
14	Clo Tổng số (mg/l)	0,5	TCVN 6225-3:2011	0,44			

Ghi chú: - (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện

Tuy Hòa , ngày 05 tháng 06 năm 2017



Phòng Kỹ Thuật

Nguyễn Khắc Toàn

Bộ Phận Hóa nghiệm

Võ Bá Duy Huân

BM.KT.02.02

29/3/2017

Trang 2/2